

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **40/2024/ HNGĐ - ST**

Ngày 13 tháng 5 năm 2024

*"V/v Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Chính

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

2. Bà Nguyễn Thị Nhung.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Dũng – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu N - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 703/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Việt H, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Tổ A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Tổ A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Tạm trú: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Các đương sự có mặt anh H, chị T).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Việt H trình bày: Tôi và chị Phạm Thị Thu T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T năm 2019. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng một thời gian đầu. Sau khi đó thì phát sinh

mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và thường xuyên cãi chửi nhau căng thẳng. Chị T đã bỏ đi từ ngày 18/3/2024, gia đình 02 bên đã khuyên răn nhưng chị T không thay đổi. Nay tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể đoàn tụ được. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên giải quyết cho tôi được ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Minh N1, sinh ngày 30/6/2019 và cháu Lê Minh Q, sinh ngày 10/02/2023. Tôi có nguyện vọng nuôi cháu N1 và giao chị T nuôi cháu Q. Việc cấp dưỡng chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu toà án giải quyết. Tôi đảm bảo việc nuôi con vì tôi có nhà đất và thu nhập khoảng 15 đến 20 triệu đồng/tháng. Công việc đang làm của tôi là kinh doanh mua bán gậy Bi a qua mạng xã hội online. Chị T thì hiện tại không có công ăn việc làm, sống phụ thuộc vào gia đình, thỉnh thoảng phụ giúp chị gái để có thêm thu nhập.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không có.

Ý kiến của bị đơn chị Phạm Thị Thu T: Tôi kết hôn với anh Lê Việt H vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, một thời gian sau thì cũng có lúc cãi chửi nhau và anh H đánh tôi. Sau khi có cháu đầu anh H đánh tôi thì tôi vẫn bỏ qua. Đỉnh điểm đến tháng 3/2024. Anh H có quan hệ ngoại tình với người khác và đòi bỏ tôi.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Lê Minh N1, sinh ngày 30/6/2019 và cháu Lê Minh Q, sinh ngày 10/02/2023.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyện vọng của chị T: Cho tôi được ly hôn với anh Lê Việt H; Về con chung: Xin được nuôi dưỡng 02 con chung. Về phần cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định không có và không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị T nhưng chị T không có mặt tại các phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ được. Do vậy phải mở phiên tòa xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu là xin được ly hôn và xin được nuôi con chung là cháu N1, chị T nuôi cháu Q. Về phần cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu giải quyết. Chị T1 cấp cho Tòa án bản giấy các tin nhắn về việc anh H có quan hệ ngoại tình với người khác và chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không nhất trí ly hôn vì các con còn nhỏ. Trong trường hợp phải ly hôn chị xin được nuôi 02 con là cháu N1 và cháu Q và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Chị T cho biết chị mới đi làm thêm bán hàng Thái Lan, thu nhập khoảng 6.000.000đ/tháng, chị không có nhà đất, hiện tại vẫn đang ở cùng bố mẹ chồng. Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có và không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX xem xét cho anh H được ly hôn chị T. Về con chung: Giao cháu N1 cho anh H nuôi dưỡng, giao chị T nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi khôn lớn trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng: Không xem xét vì các bên không yêu cầu. Về tài sản chung, và nợ chung: Không giải quyết. Về án phí: Anh H phải chịu án phí theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, Nguyên đơn, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Việt H và chị Phạm Thị Thu T2 hôn năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, việc đăng ký kết hôn đã được thực hiện tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T là cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định nên là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn là mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm sống do không có tiếng nói chung, vợ chồng cãi chửi nhau và có lúc anh H đã đánh chị T.. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được nên kiên quyết xin được ly hôn. Chị T3 định vợ chồng có mâu thuẫn và không còn tình cảm nhưng chị không nhất trí ly hôn vì 02 con còn nhỏ. Từ tháng 3/2024 anh H và chị T cũng không nói chuyện được với nhau để khắc phục tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không

đạt được, nên cần chấp nhận đơn khởi kiện về ly hôn của anh H, cho anh H được ly hôn chị T4 phù hợp với thực tế và đúng quy định tại các Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Minh N1, sinh ngày 30/6/2019 và cháu Lê Minh Q, sinh ngày 10/02/2023. Anh H có nguyện vọng nuôi cháu N1 và đề chị T nuôi cháu Q. Chị T có nguyện vọng được nuôi 02 con. Anh H xác định anh đảm bảo việc nuôi vì anh có nhà đất và thu nhập khoảng 15 đến 20 triệu đồng/tháng. Công việc đang làm của anh là kinh doanh mua bán gậy Bi a qua mạng xã hội online. Chị T thì xác định chị mới đi làm thu nhập khoảng 6.000.000đ/tháng, chị không có nhà đất gì, hiện tại đang sống với gia đình nhà chồng.

HĐXX xét thấy các bên đều đảm bảo quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Cụ thể là xem xét con dưới 36 tháng tuổi và vì lợi ích của con chung. Do đó cần giao cho anh H nuôi dưỡng cháu N1 và giao cho chị T nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi các con chung trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không đề nghị do đó không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết vì các đương sự không yêu cầu.

[3] Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Việt H.

Cho anh Lê Việt H được ly hôn chị Phạm Thị Thu T.

2. Về con chung: Giao cho anh H nuôi dưỡng cháu Lê Minh N1, sinh ngày 30/6/2019; Giao cho chị T nuôi dưỡng cháu Lê Minh Q, sinh ngày 10/02/2023 cho đến khi các con chung khôn lớn trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự

thay đổi khác. Các bên được quyền đi lại và chăm sóc con chung theo quy định mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản và các khoản nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Việt H1 chịu 300.000đ án phí Ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002677 ngày 29/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho anh H, chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ, lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VŨ DUY CHINH

